TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2023/DS-ST
Ngày 26-9-2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Nguyễn Quang Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2023/TLST-DS, ngày 11/5/2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:44/2023/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 263/2023/QĐST-DS ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô giữa các đương sự:

*/ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông (Có mặt)

*/ Bị đơn anh Lăng Văn T; địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2023 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 03/4/2023), quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa bà Nguyễn Thị B trình bày: Do quen biết với nhau, ngày 24/01/2020 bà Nguyễn Thị B có cho anh Lăng Văn T vay số tiền 27.000.000 đồng, việc vay mượn có viết giấy tờ, anh Lăng Văn T hẹn thời hạn thanh toán: "từ tháng 2 trở lên tôi trả dần (Trả hết trong một năm). Tuy nhiên hết thời hạn thanh toán anh Lăng Văn T không thanh toán nợ cho bà Nguyễn Thị B, nhiều lần bà Nguyễn Thị B đến nhà yêu cầu nhưng anh Lăng Văn T trốn tránh không chịu trả nợ vì vậy bà Nguyễn Thị B đã khởi kiện ra Tòa án.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu anh Lăng Văn T có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc đã vay là 27.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 01/03/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/9/2023 là 42 tháng 25 ngày. Số tiền lãi là 27.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 42 tháng 25 ngày = 9.599.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án anh Lăng Văn T được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh Lăng Văn T không đến Tòa án trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Tại phiên tòa anh Lăng Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS). Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của BLTTDS; Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470; Điều 282; Điều 357 của Bộ luật Dân sự (BLDS); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc anh Lăng Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị B tổng số tiền 36.599.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu năm trăm chín mươi chín nghìn đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 27.000.000đ (*Hai mươi bảy triệu đồng*) và tiền lãi là 9.599.000 đồng (*Chín triệu năm trăm chín mươi chín nghìn đồng)*; Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 27.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán. Do đó, quan hệ pháp luật dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn anh Lăng Văn T có địa chỉ tại thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[1.2] Tại Biên bản xác minh tại Ban tự quản thôn S, xã N thể hiện, anh Lăng Văn T có địa chỉ tại thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông. Do anh Lăng Văn T vắng mặt vì vậy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng như đại diện Ban tự quản thôn Sơn Hà tống đạt các văn bản tố tụng cho mẹ anh Lăng Văn T là bà Dương Thị Đầm nhận thay và cam kết thông báo lại cho anh Lăng Văn T, anh Lăng Văn T không thay đổi nơi cư trú, không thông báo tạm vắng tại địa phương, không thông báo địa chỉ nơi cư

trú mới cho nguyên đơn. Khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

Khoản 2 Điều 5: "*Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ "nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở" của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015."*

Khoản 2 Điều 6:

"2. *Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:*

a) *Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;"*

Từ các phân tích và dẫn chiếu quy định của pháp luật trên thì xác định được anh Lăng Văn T là người có nghĩa vụ đối với bà Nguyễn Thị B, nhưng anh không thực hiện nghĩa vụ theo đúng nội dung thỏa thuận của hai bên, anh không cung cấp địa chỉ mới, không đến Tòa án làm việc. Tại phiên tòa anh Lăng Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý, giải quyết, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Lăng Văn T theo đúng quy định của BLTTDS.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Giấy vay tiền đề ngày 24/01/2020 mà bà Nguyễn Thị B đã cung cấp thể hiện thời hạn thanh toán nợ là *"từ tháng 2 trở lên tôi trả dần (Trả hết trong một năm)",* do anh Lăng Văn T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên ngày 21/02/2023 bà Nguyễn Thị B nộp đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cả Nguyên đơn, Bị đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu vì vậy vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 184 của BLTTDS và Điều 429 của BLDS.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B cho rằng anh Lăng Văn T vay của bà 27.000.000đ. Chứng cứ bà Nguyễn Thị B cung cấp là 01 Giấy vay tiền đề ngày 24/01/2020 được viết bằng bút mực màu xanh, dưới mục người vay anh Lăng

Văn T có ký và viết chữ "T" "Lăng Văn T. Trong giấy vay tiền thể hiện thời hạn thanh toán nợ là *"từ tháng 2 trở lên tôi trả dần (Trả hết trong một năm)".* Quá trình giải quyết vụ án anh Lăng Văn T không đến Tòa án làm việc, không phản đối cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh số tiền nợ, nghĩa vụ trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà Nguyễn Thị B cho anh Lăng Văn T vay số tiền 27.000.000đ là có thật. Đến thời hạn thanh toán nợ là *"từ tháng 2 trở lên tôi trả dần (Trả hết trong một năm)"* anh Lăng Văn T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên bà Nguyễn Thị B khởi kiện anh Lăng Văn T yêu cầu phải thanh toán số tiền nợ gốc 27.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 470 của BLDS để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Buộc anh Lăng Văn T trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền nợ gốc là 27.000.000 đồng.

[2.1] Đối với yêu cầu tính lãi: Bà Nguyễn Thị B yêu cầu anh Lăng Văn T phải trả tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời hạn tính lãi kể từ ngày 01/03/2020 cho đến khi xét xử.

Giấy vay tiền đề ngày 24/01/2020 thể hiện thời hạn thanh toán nợ là *"từ tháng 2 trở lên tôi trả dần (Trả hết trong một năm)",* xét thấy giấy vay tiền chỉ thể hiện thời hạn thanh toán "từ tháng 2 trở lên" mà không thỏa thuận ngày cụ thể, mặt khác các bên không quy định cụ thể từng kỳ thanh toán nợ mà chỉ thỏa thuận chung chung "trả dần (Trả hết trong một năm" vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 148; Điều 282 của BLDS xác định ngày 28/02/2020 là ngày anh Lăng Văn T có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà Nguyễn Thị B, do anh Lăng Văn T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vì vậy anh Lăng Văn T phải chịu lãi suất phát sinh do chậm thanh toán nợ theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự kể từ ngày 01/3/2020 đến ngày xét xử ngày 26/9/2023 là 42 tháng 25 ngày, xét mức lãi suất mà bà Nguyễn Thị B yêu cầu là 0,83%/tháng là phù hợp nên cần chấp nhận. Số tiền lãi là 27.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 42 tháng 25 ngày = 9.599.000 đồng. Như vậy tổng số tiền mà anh Lăng Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị B là 27.000.000 đồng + 9.599.000 đồng = 36.599.000 đồng.

[3]. Về án phí: Căn cứ tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Lăng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.599.000 đồng x 5% = 1.830.000 đồng (*Một triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*). Hoàn trả bà Nguyễn Thị B số tiền 882.000 đồng *(Tám trăm tám mươi hai nghìn đồng)* tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0007304, ngày 11/5/2023.

[4]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của BLTTDS; Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470; Điều 282; Điều 357 của BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

1. Buộc anh Lăng Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị B tổng số tiền 36.599.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu năm trăm chín mươi chín nghìn đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 27.000.000đ (*Hai mươi bảy triệu đồng*) và tiền lãi là 9.599.000 đồng (*Chín triệu năm trăm chín mươi chín nghìn đồng).*

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc anh Lăng Văn T phải chịu 1.830.000 đồng (*Một triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí DSST. Hoàn trả bà Nguyễn Thị B số tiền 882.000 đồng *(Tám trăm tám mươi hai nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0007304, ngày 11/5/2023.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đựoc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện.Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên toà

Nguyễn Thế Hạnh